

PHÂN LOẠI THẨM THỰC VẬT TỰ NHIÊN VÀ NGUYÊN NHÂN GÂY SUY THOÁI RỪNG Ở HUYỆN VỊ XUYỀN, TỈNH HÀ GIANG

ĐỖ KHẮC HÙNG

Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Giang

LÊ NGỌC CÔNG

Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Vị Xuyên là huyện vùng thấp của tỉnh Hà Giang, có tổng diện tích đất tự nhiên là 145.100ha, diện tích rừng là 102.072,06ha (chiếm 67,5%) trong đó có 26.139,8ha rừng đặc dụng. Do địa hình hiểm trở và có Ban Quản lý rừng đặc dụng riêng nên một số nơi còn giữ được đặc điểm nguyên sinh của rừng và có thành phần thực vật rất đa dạng và phong phú.

Dân số huyện Vị Xuyên có 96.168 người với 15 dân tộc cùng sinh sống, trong đó người Tày chiếm tỷ lệ cao nhất (36,1%), sau đó là người Dao 22,9%, người Kinh 15,2%, người Mông 11,0%, người Nùng 7,8%, còn lại là các dân tộc khác... Với hoạt động sản xuất và khai thác tài nguyên rừng truyền thống như chặt phá rừng, đốt, lấy đất làm nương rẫy, làm nơi chăn thả... nên nhiều diện tích rừng bị thu hẹp, nhiều loài cây có giá trị kinh tế cao như: Nghiến, pơ mu, đinh... đã bị khai thác kiệt quệ và thảm thực vật rừng bị suy thoái rất nghiêm trọng. Trong bài báo này chúng tôi trình bày kết quả nghiên cứu phân loại thảm thực vật tự nhiên và tìm hiểu những nguyên nhân chính gây ra suy thoái rừng ở địa phương. Kết quả thu được góp phần vào việc quản lý, bảo vệ nguồn tài nguyên rừng ở huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu thập số liệu ngoài thực địa được thực hiện theo phương pháp tuyến điều tra và ô tiêu chuẩn. Dựa vào bản đồ thảm thực vật của tỉnh, thiết lập các tuyến điều tra đi qua tất cả kiểu thảm thực vật trong khu vực. Trên tuyến điều tra lập 30 ô tiêu chuẩn tạm thời có kích thước 50m × 50m, để điều tra thu thập số liệu về thành phần loài và cấu trúc thảm thực vật. Thu thập số liệu theo các phương pháp thông thường đang được sử dụng trong nghiên cứu sinh thái học và lâm học hiện nay.

Sử dụng phương pháp của Thái Văn Trùng (1970) để mô tả cấu trúc của thảm thực vật. Tên các loài cây được xác định theo Danh lục các loài thực vật Việt Nam tập 1, 2, 3 (2003-2005). Sử dụng khung phân loại của UNESCO (1973) để phân loại thảm thực vật.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Phân loại các kiểu thảm thực vật ở huyện Vị Xuyên

Theo khung phân loại của UNESCO (1973), thảm thực vật huyện Vị Xuyên có 4 lớp quần hệ: Rừng kín, rừng thưa, thảm cây bụi và thảm cỏ với các quần hệ như sau:

I. Lớp quần hệ rừng kín (Closed forest)

1.A.1.1. Quần hệ rừng kín thường xanh mưa mùa ở địa hình thấp và núi thấp

1.A.1.1.1. Phân quần hệ cây lá rộng. Trong phân quần hệ này thường gặp một số trạng thái rừng như sau.

* Trạng thái rừng tự nhiên ít bị tác động có mặt hầu hết đại diện của các họ thực vật nhiệt đới Việt Nam như: Trám trắng (*Canarium album*), Gội báng súng (*Aglaia gigantea*), Bời lời nhót (*Litsea glutinosa*), Ràng ràng mít (*Ormosia balansae*), Ngát (*Gironniera subaequalis*), Muồng lác (*Cassia alata*), Giồi lông (*Michelia balansae*), Mý (*Lysidice rhodostegia*), Dẻ gai (*Castanopsis indica*), Bứa (*Garcinia oblongifolia*), Máu chó lá nhỏ (*Knema costicosa*), Trôm mè gà (*Sterculia lanceolata*)... Kiểu rừng này đã bị khai thác một số loài cây gỗ quý hiếm nhưng cơ bản vẫn giữ được tính nguyên sinh của rừng. Kiểu rừng này chỉ gặp ở hai xã Cao Bồ và Thanh Thủy.

* Trạng thái rừng thứ sinh phục hồi sau khai thác: Kiểu rừng này còn không nhiều, phân bố ở Thanh Thủy và Cao Bồ. Do bị tác động mạnh qua khai thác chọn lấy đi những cây gỗ lớn, gỗ tốt và quý hiếm nên trong lâm phần chỉ còn lại những cây gỗ chất lượng kém như Ngát (*Gironniera subaequalis*), Đa bóng (*Ficus championi*), Ràng ràng mít (*Ormosia balansae*), Lỗi thọ (*Gmelina arborea*), Vàng anh (*Saraca dives*)...

* Trạng thái rừng thứ sinh phục hồi sau nương rẫy: Kiểu rừng này tập trung chủ yếu gần các làng bản, các khu rừng được hình thành sau canh tác nương rẫy tại các xã Thanh Thủy, Cao Bồ, Quảng Ngần. Thành phần thực vật chủ yếu là các cây tiên phong ưa sáng, sinh trưởng nhanh như: Hu day (*Trema orientalis*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Lòng mang (*Pterospermum truncatolobatum*), Bò đề (*Styrax tonkinensis*), Cò ke (*Microcos paniculata*), Sòi tía (*Sapium discolor*), Bời lời giấy (*Litsea monopetala*), Trám trắng (*Canarium album*) và một số loài Nứa (*Neohouzeana dulloo*) mọc xen kẽ.

I.A.1.2. Quần hệ rừng nhiệt đới thường xanh mùa ở núi trung bình

I.A.1.2.1. *Phân quần hệ cây lá rộng*. Trong phân quần hệ này có gặp một số trạng thái rừng như sau:

* Trạng thái rừng nguyên sinh là kiểu rừng tuy có tác động nhưng không đáng kể, còn giữ được tính nguyên sinh cơ bản. Kiểu rừng này gặp ở các xã Phương Tiến, Phương Độ, Cao Bồ, Quảng Ngần, Lao Chải. Thành phần thực vật chủ yếu vẫn là các loài thực vật nhiệt đới như: Lát hoa (*Chukrasia tabularis*), Lát khét (*Toona surenii*), Trám trắng (*Canarium album*), Vang (*Endospermum sinensis*), Gội nước hoa to (*Aphanamixis grandifolia*), Dẻ gai (*Castanopsis indica*), Sòi quả dẹt (*Quercus helferiana*), Sồi tày (*Quercus fleuryi*), Bời lời nhót (*Litsea glutinosa*), Trám đen (*Canarium tramdenum*), Hoàng linh bắc bộ (*Peltophorum tonkinensis*), Ràng ràng xanh (*Ormosia pinnata*), Chẹo (*Engelhardtia chrysolepis*), Cáng lò (*Betula alnoides*), Pơ mu (*Fokiennia hodginsii*)...

* Trạng thái rừng thứ sinh phục hồi sau khai thác: Do bị khai thác chọn với cường độ mạnh nên trong lâm phần chỉ còn lại những cây gỗ chất lượng kém như Ngát (*Gironniera subaequalis*), Ràng ràng mít (*Ormosia balansae*)... Đặc biệt ở những nơi có độ cao từ 1600m trở lên vẫn còn những cây Pơ mu (*Fokiennia hodginsii*) có đường kính khoảng 12-15cm.

* Trạng thái rừng thứ sinh phục hồi sau nương rẫy: Phân bố ở tất cả các xã Cao Bồ, Thanh Đức, Minh Tân, Thanh Thủy. Đất nghèo kiệt, đã bị bỏ hoang nhiều năm. Cây có chiều cao trung bình 10-12m, đường kính dưới 15cm. Các loài chiếm ưu thế là Bò đề (*Styrax tonkinensis*), Màng tang (*Litsea cubeba*), Hu day (*Trema orientalis*), Thôi ba (*Alangium chinenses*), Trín (*Schima wallichii*), Tống quá sủ (*Alnus nepalensis*), Ràng ràng mít (*Ormosia balansae*), Chẹo trắng (*Engelhardtia spicata*)... Dưới tán rừng đã xuất hiện cây tái sinh của các loài gỗ tốt như Chò chỉ (*Parashorea chinensis*), Gù hương (*Cinnamomum balansae*)...

I.A.1.3. Quần hệ rừng nhiệt đới thường xanh mưa mùa trên núi đá vôi**I.A.1.3.1. Phân quần hệ cây lá rộng**

Kiểu rừng này phân bố tại xã Thanh Thủy, Lao Chải, Sín Chải, Minh Tân. Đây là kiểu rừng đặc biệt phát triển trên đất do đá vôi phong hóa với những loài cây có chất lượng gỗ rất tốt và thường sinh trưởng rất chậm như: Nghiến (*Excentrodendron tokinense*), Chò nâu (*Dipterocarpus tonkinensis*), Chò chỉ (*Parashorea chinensis*), Trai (*Garcinia fagraeoides*), Lát hoa (*Chukrasia tabularis*), Lát khét (*Toona sureni*)...

I.A.1.4. Quần hệ rừng tre, nứa (*Bambusoideae*)**I.A.1.4.1. Phân quần hệ rừng tre nứa mọc thuần loài**

Kiểu rừng này gặp ở các xã Cao Bồ, Quảng Ngần, có nguồn gốc từ kiểu rừng lá rộng thường xanh, song do sự phá rừng bừa bãi và hoạt động canh tác nương rẫy dẫn tới những cây gỗ không còn, tạo điều kiện cho tre, nứa phát triển, chúng thường phân bố ở độ cao dưới 1000m. Loài Vầu lá mập (*Indosasa crassiflora*) chiếm ưu thế, chúng mọc tản và thuần loài thành từng đám rộng, những nơi lập địa còn tốt, có độ dốc trung bình và thấp xuất hiện loài Nứa (*Neohuzeana dullosa*), Tre gai (*Bambusa spinosa*), Hóp (*Bambusa multiplex*), Giang (*Ampelocalamus patellaris*). Trên đất bồi tụ ven suối vùng thấp có loài Diễn trướng (*Dendrocalamus latiflorus*), Tre vàng sọc (*Bambusa vulgaris* var. *striata*).

I.A.1.4.2. Phân quần hệ rừng tre nứa mọc xen với cây lá rộng

Kiểu rừng này gặp ở các xã Thanh Thủy, Thanh Đức, Phương Tiến, Phương Độ, Cao Bồ và Quảng Ngần, có nguồn gốc từ kiểu rừng lá rộng thường xanh nhiệt đới ẩm, song do sự khai thác kiệt và hoạt động canh tác nương rẫy thiếu kiểm soát.

Kiểu rừng này có cấu trúc 2 tầng rõ rệt: Cây gỗ tầng trên và tre nứa tầng dưới. Tầng tán cây gỗ không liên tục, điển hình là các loài Trâm trắng (*Syzygium wightianum*), Trám trắng (*Canarium album*), Giồi bà (*Michelia balansae*), Giồi lá láng (*Michelia foveolata*), Lỗi thọ (*Gmelina arborea*), Dung có rãnh (*Symplocos yunnaensis*), Ngát (*Gironniera subbaequalis*), Ràng ràng xanh (*Ormosia pinnata*), Trín (*Schima wallichii*), Vạng (*Endospermum chinensis*)... Tầng dưới là tre nứa chủ yếu là Vầu lá mập (*Indosasa crassiflora*), Nứa (*Neohuzeana dullosa*), Tre gai (*Bambusa spinosa*), Hóp (*Bambusa multiplex*), Giang (*Ampelocalamus patellaris*).

I.A.1.5. Quần hệ rừng cây lá kim**I.A.1.5.1. Phân quần hệ rừng hỗn giao cây lá kim với cây lá rộng trên núi cao**

Kiểu rừng này phân bố ở độ cao từ 1800m trở lên, thuộc các xã Lao Chải, Phương Tiến với các đại diện điển hình như Giồi bà (*Michelia balansae*), Kim giao (*Nageia fleuryi*), Thông tre (*Podocarpus neriifolius*), Pơ mu (*Fokienia hodginsii*), Hoàng đàn (*Cupressus torulosa*), Thông ba lá (*Pinus kesyia*), Sồi ghè (*Lithocarpus corneus*)... Nhìn chung kiểu rừng này còn giữ được tính nguyên sinh, song một số cây gỗ quý hiếm có số lượng cá thể rất ít, hoặc chỉ còn lại những cây có đường kính nhỏ.

II. Lớp quần hệ rừng thưa (Wood land)**II.A.1.1. Quần hệ rừng thưa thường xanh cây lá rộng ở đất thấp và núi thấp**

Trong khu vực thì kiểu rừng này chiếm ưu thế được phân bố ở hầu hết các xã trong huyện. Đó là các rừng thứ sinh phục hồi sau nương rẫy bỏ hoá. Kiểu rừng này có cấu trúc 2 tầng nhưng phân hóa không rõ rệt. Tầng cây gỗ có thành phần loài gần giống như kiểu rừng kín thường

xanh mưa mùa nhiệt đới, với các cây có đường kính trung bình 8-10cm và độ tàn che 0,5-0,6. Các loài cây thứ sinh ưu thế là: Bùm bụp (*Mallotus paniculata*), Mán đĩa (*Archidendron clypearia*), Ràng ràng (*Ormosia balansae*), Chẹo (*Engelhardtia roxburghiana*), Dê gai (*Castanopsis indica*), Sòi lá tròn (*Sapium rotundifolium*), Thành nganh (*Cratoxylum cochinchinense*), Hu day (*Trema orientalis*)... Dưới tầng cây gỗ là cây bụi, cây con tái sinh và thảm tươi thưa như: Màng tang (*Litsea cubeba*), Thầu tấu (*Aporosa dioica*), Hu day (*Trema orientalis*), Cỏ gừng (*Panicum repens*) và một số cây họ Ráy (Araceae)...

II.A.1.2. Quần hệ rừng tre nửa

Quần hệ này hình thành sau khi rừng nguyên sinh bị khai thác kiệt và nương rẫy bị bỏ hoá. Chúng mọc xen với cây gỗ lá rộng tạo thành rừng hỗn giao hoặc mọc thành rừng thuần loại nhưng độ tàn che còn thấp (0,4).

II.A.1.2.1. Phân quần hệ rừng tre, nửa mọc xen với cây gỗ lá rộng

Kiểu rừng Nửa (*Neohouzeua dulloa*), rừng Vầu (*Phyllostachis* sp.) mọc hỗn giao với các cây gỗ lá rộng như: Đóm (*Bridelia balansae*), Hu day (*Trema orientalis*), Thôi ba (*Alangium chinense*), Màng tang (*Litsea cubeba*)... Loại hình này phân bố ở hầu hết các xã của huyện Vị Xuyên như: Đạo Đức, Bạch Ngọc, Tùng Bá, Thuận Hoà, Kim Linh, Ngọc Linh, Linh Hồ, Ngọc Minh, Trung Thành, Thượng Sơn, Xin Chải...

II.A.1.2.2. Phân quần hệ rừng tre, nửa mọc thuần loại

Loại hình này gặp rải rác ở các xã như: Lao Chải, Xin Chải, Phú Linh, Thượng Sơn, Minh Tân, Trung Thành, Ngọc Linh, Ngọc Minh, Quảng Ngần, Linh Hồ, Kim Linh, Thuận Hoà.

II.A.1.3. Quần hệ rừng thưa cây lá rộng rụng lá ở đất thấp và núi thấp

Các quần xã thuộc quần hệ này rụng lá về mùa khô. Thời gian rụng lá từ tháng 12 năm trước đến tháng 2 năm sau. Đây là quần xã rừng phục hồi sau nương rẫy với các loài ưu thế là: Thành nganh (*Cratoxylum cochinchinense*), Bồ đề (*Styrax tonkinensis*), Sau sau (*Liquidamba formosana*), có ở các xã Đạo Đức, Phương Tiến, Trung Thành, thị trấn Việt Lâm, Vị Xuyên...

III. Lớp quần hệ cây bụi (Scrub)

III.A.1.1. Quần hệ cây bụi thường xanh trên đất khô

III.A.1.1.1. Phân quần hệ cây bụi có cây gỗ mọc rải rác

Kiểu thảm này gặp ở hầu hết các xã trong huyện Vị Xuyên, trên đất sau nương rẫy bỏ hoá. Đó là những quần xã với các loài ưu thế như: Bùm bụp (*Mallotus paniculata*), Đóm đóm (*Alchornea tiliacifolia*), Thành nganh (*Cratoxylum cochinchinense*), Thầu tấu (*Aporosa sphaerosperma*), Me rừng (*Phyllanthus emblica*)..., các cây gỗ mọc rải rác chủ yếu là các loại cây tiên phong ưa sáng, sinh trưởng nhanh như: Hu day (*Trema orientalis*), Ba soi (*Macaranga denticulata*), Chẹo (*Engelhardtia roxburghiana*)...

III.A.1.1.2. Phân quần hệ cây bụi không có cây gỗ

Có thành phần loài ưu thế là: Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*), Mua (*Melastoma candidum*), Bùm bụp (*Mallotus paniculata*), Ba chạc (*Euodia leptota*)... Các quần xã này gặp nhiều ở các xã: Đạo Đức, Phong Quang, Phương Tiến, Phương Thiện, Việt Lâm...

IV. Lớp quần hệ cỏ (Grassland vegetation)

IV.A.1. Nhóm quần hệ cỏ dạng lúa cao có cây gỗ che phủ từ 10-40%

IV.A.1.1. Quần hệ cỏ chịu hạn

Ưu hợp Lau (*Saccharum spontaneum*) + Chít (*Thysanolaena maxima*)

Thành phần cây gỗ, cây bụi là các cây chịu hạn: Màng tang (*Litsea cubeba*), Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*), Mua (*Melastoma candidum*)...

Các quần hệ này có nhiều ở các xã: Trung Thành, Phong Quang, Quảng Ngần, thị trấn Vị Xuyên.

IV.B.1. Nhóm quần hệ cỏ dạng lúa thấp và trung bình (0,5-1m) có cây gỗ che phủ từ 10-40%

IV.B.1.1. Quần hệ cỏ chịu hạn

Quần hệ này được hình thành chủ yếu trên các nương rẫy bị bỏ hóa với ưu hợp Cỏ tranh (*Imperata cylindrica*) + Cỏ sâu róm (*Setaria glauca*) + Cỏ đắng (*Paspalum longifolium*) + Cỏ gừng (*Panicum repens*). Ngoài ra còn có một số loài cây gỗ mọc rải rác như: Thành ngạnh (*Cratoxylum conchinchinense*), Ba soi (*Macaranga denticulata*)...

Quần hệ này thường gặp ở Đạo Đức, Cao Bồ, Phong Quang, Phú Linh, Kim Thạch.

IV.C.1. Nhóm quần hệ cỏ không dạng lúa

IV.C.1.1. Quần hệ Chuối rừng

Ưu hợp Chuối rừng (*Musa uranoscopos*) phân bố ở các xã Minh Tân, Cao Bồ, Thanh Đức...

IV.C.1.2. Quần hệ Cỏ lào

Ưu hợp Cỏ lào (*Chromolaena odorata*) gặp phổ biến ở các nơi địa hình thấp ở các địa phương trong huyện.

IV.C.1.3. Quần hệ Guột

Ưu hợp Guột (*Dicranopteris linearis*) được hình thành trên đất nương rẫy bị bỏ hóa do đất bị thoái hóa hay trên các rừng bị cháy nhưng không có khả năng phục hồi. Trên quần hệ này có xuất hiện một số loài cây gỗ và cây bụi như: Thầu tấu (*Aporosa sphaerosperma*), Sim (*Rhodomyrtus tomentosa*), Mua (*Melastoma candidum*), Màng tang (*Litsea cubeba*)...

2. Các nguyên nhân làm suy thoái thảm thực vật ở huyện Vị Xuyên

Trong những năm gần đây do nhu cầu kinh tế và đời sống, tài nguyên rừng đã bị khai thác cạn kiệt và suy thoái nghiêm trọng. Các nguyên nhân chính làm suy thoái thảm thực vật ở huyện Vị Xuyên là:

Hoạt động khai thác gỗ, củi: Ở Hà Giang nói chung và huyện Vị Xuyên nói riêng tình trạng phá rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn diễn ra ngày càng gay gắt trong vài năm trở lại đây. Do lợi nhuận khai thác gỗ Nghiến lên tới vài triệu đồng/người/ngày nên các đối tượng lâm tặc bất chấp luật pháp, dùng nhiều thủ đoạn để tàn phá rừng. Hàng trăm, thậm chí hàng nghìn cây gỗ Nghiến, Trai (nhóm IIA) cổ thụ có đường kính từ 0,8-1,5m đã bị đốn hạ, cắt thốt trong sự bất lực của các cơ quan chức năng. Do đó khai thác gỗ là nguyên nhân chính làm cho chất lượng của rừng bị suy thoái nghiêm trọng.

Ngoài ra, do thu nhập của đa số các hộ dân trong huyện còn thấp và theo thói quen sinh hoạt nên củi được sử dụng làm chất đốt là chủ yếu. Do đó những hộ gia đình nghèo không có đất sản xuất, không có vốn đầu tư đã vào rừng khai thác củi để bán nhằm tăng thêm thu nhập cho gia đình.

Chuyển đổi mục đích sử dụng rừng: Trong địa bàn huyện có nhiều mỏ khoáng sản lớn như: Mỏ vàng ở xã Linh Hồ, mỏ sắt ở xã Tùng Bá, Cao Bồ, Việt Lâm... Đa phần các mỏ khoáng sản đều nằm ở những nơi có rừng nên khi khai thác phải vừa phá rừng, vừa phải mở đường giao thông để vận chuyển đã làm cho diện tích rừng giảm sút nghiêm trọng. Ngoài ra việc xây dựng các khu công nghiệp (khu công nghiệp Bình Vàng ở xã Đạo Đức, cụm công nghiệp ở các xã Thuận Hoà, Tùng Bá...) hay mở các tuyến đường liên thôn, liên xã đều dẫn đến phá hoại rừng.

Khai thác lâm sản ngoài gỗ: Ngoài khai thác gỗ quý thì khai thác lâm sản ngoài gỗ cũng là một hoạt động tàn phá tài nguyên rừng. Đây có thể xem là nguyên nhân tác động làm suy kiệt tài nguyên nhanh nhất. Lâm sản ngoài gỗ bao gồm các loài động vật hoang dã, các loài thực vật cho nguyên liệu quý như: Song, mây, tre, nứa, vầu... và các loài cây thuốc. Tất cả các loại trên đều được sử dụng trong hộ gia đình, bán và xuất khẩu nên tình trạng khai thác diễn ra khá phổ biến trong huyện.

Cháy rừng: Cháy rừng cũng là một nguyên nhân quan trọng làm suy giảm tài nguyên rừng, gây ảnh hưởng tới các hoạt động sống của sinh vật trên một diện tích rộng lớn và gây ra các hậu quả xấu (gây xói mòn, lũ lụt, hạn hán, mất đa dạng sinh học...) đến đời sống con người. Nguyên nhân chủ yếu của cháy rừng là do hoạt động khai thác của con người như: Đốt lửa lấy mật ong, đốt nương làm rẫy, đốt các gốc cây to để khai thác gỗ... hoặc do thời tiết nắng nóng kéo dài.

III. KẾT LUẬN

1. Theo khung phân loại của UNESCO (1973), thảm thực vật tự nhiên huyện Vị Xuyên gồm 4 lớp quần hệ: Lớp quần hệ rừng kín, lớp quần hệ rừng thưa, lớp quần hệ cây bụi và lớp quần hệ cỏ. Tất cả những quần hệ thuộc các lớp quần hệ rừng thưa, cây bụi và cỏ đều là trạng thái thứ sinh được hình thành do tác động của con người.

2. Nguyên nhân gây suy thoái rừng ở huyện Vị Xuyên do khai thác gỗ, củi; chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; khai thác lâm sản ngoài gỗ quá mức; do cháy rừng. Địa phương cần có những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài nguyên rừng, xử lý nghiêm minh với những hành động khai thác bừa bãi tài nguyên rừng. Tăng cường tuyên truyền cho người dân về ý thức bảo vệ rừng, đồng thời cần có chính sách hỗ trợ cho người dân sống gần rừng về vốn và kỹ thuật sản xuất để nâng cao thu nhập ổn định đời sống.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiên Bản** (chủ biên), 2003-2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, tập 1, 2, 3. NXB. Nông nghiệp, Hà Nội.
2. **Hoàng Chung**, 2008. Các phương pháp nghiên cứu quần xã thực vật. NXB. Giáo dục, Hà Nội.
3. **Nguyễn Quang Hưng và cộng sự**, 2009: Bước đầu nghiên cứu tính đa dạng thực vật ở Khu Bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh, huyện Vị Xuyên, Hà Giang. Báo cáo Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Sinh thái và Tài nguyên sinh vật lần thứ ba, 10/2009. Hà Nội, tr 577-584.
4. **Thái Văn Trưng**, 1970. Thảm thực vật rừng Việt Nam, NXB. Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
5. **UNESCO**, 1973. International classification and mapping of vegetation, Paris.

**THE CLASSIFICATION OF NATURAL VEGETATION AND THE CAUSES
OF FOREST DEGRADATION IN VI XUYEN, HA GIANG PROVINCE**

DO KHAC HUNG, LE NGOC CONG

SUMMARY

According to the classification framework of UNESCO (1973), the natural vegetation of Vi Xuyen district, Ha Giang province includes 4 class formations: Closed forest, wood land, scrub and herbaceous vegetation. All the areas which belong to the woodland, scrub and herbaceous formations are the antropogenic secondary vegetations.

The cause of forest degradation in Vi Xuyen district are logging, firewood collection, land use change of forest area, exploitation of non-timber forest products, forest fire. The proposed measures to protect forest resources are: Strictly deal with the illegal exploitation of forest resources, improvement of people awareness in forest protection, to support people living near the forests by providing capital and production techniques.